

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
T. KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DSST

Ngày 31/03/2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Phước

2. Bà Hà Thị Kim Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang:** Ông Nguyễn Thế Nam – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Phạm Huỳnh L**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Ông **Bùi Đức H**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 9, khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Phạm Huỳnh L trình bày như sau:*

Vào ngày 14/9/2019 bà Phạm Huỳnh L có cho ông Bùi Đức H vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất 6%/tháng. Việc vay tiền hai bên có lập biên nhận viết tay cùng ngày, ông H cho biết vay tiền về để làm kinh tế. Từ khi vay cho đến nay ông H không đóng lãi và cũng không trả gốc cho bà.

Tại phiên tòa bà Phạm Huỳnh L yêu cầu ông Bùi Đức H và vợ là bà Nguyễn Thị G phải liên đới trả cho bà số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 14/9/2019 đến ngày 14/11/2021 là 26 tháng, lãi suất 1,6%/tháng, thành tiền là 83.200.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 283.200.000 đồng.

*\* Tại Bản tự khai đề ngày 15/02/2022, bị đơn ông Bùi Đức H trình bày như sau:*  
Ông Bùi Đức H thừa nhận ngày 14/9/2019 có vay của bà Phạm Huỳnh L số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay 01 năm, việc vay tiền có viết biên nhận tay cùng ngày, số tiền vay ông H sử dụng vào mục đích làm ăn kinh tế trong gia đình. Sau khi vay ông có đóng lãi cho bà L nhiều lần nhưng số tiền bao nhiêu thì ông không nhớ và ông cũng không có gì chứng minh cho việc trả lãi này.

Nay bà Phạm Huỳnh L khởi kiện yêu cầu ông và bà G cùng trả số tiền vay là 200.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 14/9/2019 đến ngày 14/11/2021 là 26 tháng, lãi suất 1,6%/tháng, thành tiền là 83.200.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 283.200.000 đồng thì ông H đồng ý nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được trả dần số tiền gốc mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên, còn tiền lãi thì ông H xin phía bà L miễn.

*\* Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Bà và ông H cưới nhau vào năm 2002, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào năm 2003. Khoản vay 200.000.000 đồng của ông H với bà L thì bà hoàn toàn không hay biết, bà không biết ông H vay khi nào, vay bao nhiêu, ông H cũng không mang tiền gì về cho bà hết. Vào khoảng tháng 5 hay tháng 6/2021 vợ chồng bà L có đến nhà gặp bà, khi đó ông H đã đi làm ăn xa, bà L nói ông H có vay tiền của bà ấy và yêu cầu trả, bà G có nói bà không biết gì về khoản vay này của ông H, hiện ông H không có ở nhà, có gì thì đợi đến khi ông H về rồi hai bên gặp nhau trao đổi, sau đó vợ chồng bà L ra về, từ đó cho đến nay vợ chồng bà L không có quay lại lần nào. Việc bà L yêu cầu bà cùng với ông H phải trả tiền nợ cho bà L thì bà G không đồng ý, vì bà không có vay tiền của bà L. Ông H vay tiền của bà L thì ông H có

trách nhiệm trả, bà không có trách nhiệm gì trong vụ việc này. Đồng thời bà G đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt do bà phải đi làm ăn.

\* *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn bà Phạm Huỳnh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Đối với số tiền lãi, yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

\* *Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán cơ bản đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vẫn còn một số vi phạm về tố tụng cần rút kinh nghiệm.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay; xét thấy phía bị đơn đã thừa nhận nợ và không có tranh chấp về lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà G có trách nhiệm liên đới trả nợ với ông H, xét thấy không có căn cứ nên đề nghị HĐXX không chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Phạm Huỳnh L khởi kiện yêu cầu ông Bùi Đức H và bà Nguyễn Thị G phải liên đới trả số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi. Phía bị đơn cư trú tại Khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Bùi Đức H và bà Nguyễn Thị G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà G.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau:

Vào ngày 14/9/2019 ông Bùi Đức H có thỏa thuận vay của bà Phạm Huỳnh L số tiền 200.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nhận nợ, thời hạn vay là 01 năm. Đến nay đã hết thời hạn nhưng ông H không thanh toán nợ cho bà L. Xét thấy tại bản tự khai của mình, ông H thừa nhận có vay và ký tên vào giấy nhận nợ với bà L ngày 14/9/2019 đối với số tiền 200.000.000 đồng và đến nay chưa trả nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó nội dung khởi kiện của bà L yêu cầu ông H có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với ông H. Xét thấy, giấy nhận nợ chỉ có ông H ký nhận và chỉ có ông H là người nhận số tiền vay này. Phía bà G cho rằng bà hoàn toàn không biết việc ông H vay tiền của bà L, ông H cũng không đem nguồn tiền này về đưa cho bà. Tại phiên tòa hôm nay, bà L không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh trách nhiệm liên đới trả nợ của bà G nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Xét về lãi suất: Tại Giấy nhận nợ hai bên không thể hiện lãi suất cho vay là bao nhiêu. Tại bản tự khai, ông H trình bày hai bên thỏa thuận lãi là 2%/tháng phù hợp với lời khai của bà L tại phiên tòa hôm nay. Tuy nhiên theo nội dung đơn khởi kiện (BL số 01) và biên bản ghi lời khai của bà L (BL số 26) thì lại thể hiện lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng. Như vậy lời khai của các đương sự không thống nhất với nhau nên mức lãi suất sẽ được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468BLDS năm 2015 là phù hợp.

Như vậy lãi suất ông H phải trả cho bà L là  $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 26 \text{ tháng} = 43.160.000 \text{ đồng}$ . Bà L thừa nhận từ sau khi vay ông H đã trả được cho bà số tiền lãi 20.000.000 đồng, nay bà đồng ý khấu trừ số tiền này cho ông H. Do đó ông H còn phải trả cho bà L số tiền lãi là  $43.160.000 \text{ đồng} - 20.000.000 \text{ đồng} = 23.160.000 \text{ đồng}$ .

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn đối với ông Bùi Đức H, buộc ông H có trách nhiệm trả cho bà L số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi 23.160.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.158.000 đồng (223.160.000 đồng x 5%).

- Bà L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Huỳnh L đối với ông Bùi Đức H.

Buộc ông Bùi Đức H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Huỳnh L số tiền gốc và lãi là 223.160.000 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST:

- Ông Bùi Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.158.000 đồng (Mười một triệu, một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Phạm Huỳnh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.080.000 đồng (Bảy triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001554 ngày 13/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông H, bà G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Dương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Cúc**